



Số: 26070923/KQKN
Ngày/Date: 22/7/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu (Name of sample) : Trà túi lọc chè dây Tú Hân
- Ký hiệu mẫu (Mark of sample) :
- Số lượng mẫu (Quantity) : 01
- Ngày nhận mẫu (Date of receiving) : 08/7/2026
- Khách hàng (Client) : Hợp tác xã thảo dược Quảng Ngãi
- Địa chỉ (Address) : Thôn Gò Chu, xã Sơn Hạ, tỉnh Quảng Ngãi
- Tình trạng mẫu (Condition of sample) : Mẫu khoảng 02 hộp/ 1 hộp x 240gram, chứa trong hộp giấy
- Kết quả thử nghiệm (Test results) :

TT (No)	Tên chỉ tiêu (Test Properties)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả (Test Results)	Phương pháp thử (Test Methods)
1	Độ ẩm	% khối lượng	8,01	Ref. TCVN 7035:2002
2	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	KPH ($\leq 0,05$)	AOAC 999.11
3	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH ($\leq 0,05$)	AOAC 999.11
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH ($< 0,01$)	AOAC 974.14
5	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	KPH ($< 0,05$)	AOAC 986.15
6	Hàm lượng Protein	g/100g	7,61	TCVN 10034:2013 (*)
7	Hàm lượng Carbohydrate	g/100g	26,6	VLAB-CH-TP-140 (*)
8	Hàm lượng béo tổng	g/100g	1,65	VLAB-CH-TP-106 (*)
9	Năng lượng	kcal/100g	152	VLAB-CH-TP-140 (*)
10	Hàm lượng Natri	mg/100g	20,2	VLAB-CH-TP-204 (Ref.AOAC 969.23) (*)
11	Hàm lượng Aflatoxin B ₁	$\mu\text{g/kg}$	KPH/ND (LOQ 0,5)	VLAB-CH-TP-599 (*)
12	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	$\mu\text{g/kg}$	KPH/ND (LOQ 2)	VLAB-CH-TP-599 (*)
13	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	$4,7 \times 10^2$	TCVN 4884-1:2015



1. Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ Test result are valid for the namely submitted sample(s) only
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/Name of sample and client are reported as the client's request.

14	Coliforms	CFU/g	KPH	TCVN 6848 : 2007
15	E.coli	CFU/g	KPH	TCVN 6846:2007
16	Salmonella	CFU/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
17	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	Bào tử/g	1,1 x10 ¹	TCVN 8275-1:2010
<u>Ghi chú:</u> - KPH: Không phát hiện (Not detected). - Các chỉ tiêu (*) được phân tích bởi nhà thầu phụ (Items (*) are tested by subcontractor).				

PHÒNG ĐO LƯỜNG - THỬ NGHIỆM
Testing and Measurement Division


Trương Hoàng Diệu Linh

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Deputy Director



Võ Lân Dũng



Số: 26070924/KQKN
Ngày/Date: 22/7/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu (Name of sample) : Trà búp ổi – lá ổi non Tú Hân
- Ký hiệu mẫu (Mark of sample) :
- Số lượng mẫu (Quantity) : 01
- Ngày nhận mẫu (Date of receiving) : 08/7/2026
- Khách hàng (Client) : Hợp tác xã thảo dược Quảng Ngãi
- Địa chỉ (Address) : Thôn Gò Chu, xã Sơn Hạ, tỉnh Quảng Ngãi
- Tình trạng mẫu (Condition of sample) : Mẫu khoảng 03 hộp/ 1 hộp x 125gram, chứa trong hộp giấy
- Kết quả thử nghiệm (Test results) :



TT (No)	Tên chỉ tiêu (Test Properties)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả (Test Results)	Phương pháp thử (Test Methods)
1	Độ ẩm	% khối lượng	7,95	Ref. TCVN 7035:2002
2	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	KPH ($\leq 0,05$)	AOAC 999.11
3	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH ($\leq 0,05$)	AOAC 999.11
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH ($< 0,01$)	AOAC 974.14
5	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	KPH ($< 0,05$)	AOAC 986.15
6	Hàm lượng Protein	g/100g	9,74	TCVN 10034:2013 (*)
7	Hàm lượng Carbohydrate	g/100g	20,3	VLAB-CH-TP-140 (*)
8	Hàm lượng béo tổng	g/100g	4,9	VLAB-CH-TP-106 (*)
9	Năng lượng	kcal/100g	164	VLAB-CH-TP-140 (*)
10	Hàm lượng Natri	mg/100g	9,24	VLAB-CH-TP-204 (Ref.AOAC 969.23) (*)
11	Hàm lượng Aflatoxin B ₁	$\mu\text{g/kg}$	KPH/ND (LOQ 0,5)	VLAB-CH-TP-599 (*)
12	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	$\mu\text{g/kg}$	KPH/ND (LOQ 2)	VLAB-CH-TP-599 (*)
13	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	$4,6 \times 10^2$	TCVN 4884-1:2015

14	Coliforms	CFU/g	KPH	TCVN 6848:2007
15	E.coli	CFU/g	KPH	TCVN 6846:2007
16	Salmonella	CFU/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
17	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	Bào tử/g	1,2 x10 ¹	TCVN 8275-1:2010
Ghi chú: - KPH: Không phát hiện (Not detected). - Các chỉ tiêu (*) được phân tích bởi nhà thầu phụ (Items (*) are tested by subcontractor).				

PHÒNG ĐO LƯỜNG - THỬ NGHIỆM
Testing and Measurement Division



Trương Hoàng Diệu Linh

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Deputy Director



Võ Lân Dũng



Số: 26070925/KQKN
Ngày/Date: 22/7/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



1. Tên mẫu (Name of sample) : Nhang quế Tú Hân
2. Ký hiệu mẫu (Mark of sample) :
3. Số lượng mẫu (Quantity) : 01
4. Ngày nhận mẫu (Date of receiving) : 08/7/2026
5. Khách hàng (Client) : Hợp tác xã thảo dược Quảng Ngãi
6. Địa chỉ (Address) : Thôn Gò Chu, xã Sơn Hạ, tỉnh Quảng Ngãi
7. Tình trạng mẫu (Condition of sample) : Mẫu khoảng 500g chứa trong bao ni lông
8. Kết quả thử nghiệm (Test results) :

TT (No)	Tên chỉ tiêu (Test Properties)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả (Test Results)	Phương pháp thử (Test Methods)
1	Màu sắc		Nâu	TCVN 6971:2001
2	Mùi		Khi đốt có hương quế dịu nhẹ	TCVN 6971:2001
3	Trạng thái		Nhang nguyên cây, không vỡ nát	TCVN 6971:2001
4	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	KPH(<0,05)	AOAC 986.15
5	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	KPH (≤0,05)	AOAC 999.11
6	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (≤0,05)	AOAC 999.11
7	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH(<0,01)	AOAC 974.14
8	Hàm lượng SO ₂	mg/Nm ³	< 2,62 (MQL)	KT2.QT.CH-181 (KT2.K2.TN-68/MT) (*)
Ghi chú: - KPH: Không phát hiện (Not detected). - Các chỉ tiêu (*) được phân tích bởi nhà thầu phụ (Items (*) are tested by subcontractor).				

PHÒNG ĐO LƯỜNG - THỬ NGHIỆM
Testing and Measurement Division

Trương Hoàng Diệu Linh

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Deputy Director



Võ Lân Dũng